

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 19/10/2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé;
2. Ông Trần Việt Quân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh: Ông Đoàn Văn Thắng -Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án thụ lý số 232/2021 /TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ú, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp An C, xã Tân H, huyện T, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp An C, xã Tân H, huyện T, tỉnh T (vắng mặt, không có lý do).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Phạm Thị Ú trình bày: Vào năm 1989 chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn Th và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện T, tỉnh T vào ngày 29/02/2016, thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau này anh Th thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện cự cãi và đánh đập chị nhiều lần, do không thể chịu đựng được nên chị đã đi thành phố Hồ Chí Minh một thời gian để cho anh Th có thời gian suy nghĩ và thay đổi tính tình, tuy nhiên sau một thời gian chị quay trở về anh Th vẫn chứng nào tật nấy. Nay chị không thể tiếp tục sống chung với anh Th được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/01/1990 và Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 01/01/1994, hiện nay con chung đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay nên không có lời trình bày.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án,

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: chấp nhận cho chị Phạm Thị Ú được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/01/1990 và Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 01/01/1994, hiện nay con chung đã thành niên và sống tự lập nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Ú khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị Phạm Thị Ú phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính)

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh Nguyễn Văn Th không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Th được nên không thể xác định được những tình tiết

nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ú có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Ú và anh Nguyễn Văn Th.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tiểu Cần nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Ú và anh Nguyễn Văn Th có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Nguyên nhân chị Ú nộp đơn xin ly hôn anh Th là do anh Th uống rượu về kiếm chuyện đánh đập chị nhiều lần. Quá trình tố tụng Tòa án cũng có tiến hành thu thập chứng cứ và xác định quá trình chị Ú và anh Th sống chung với nhau, anh Th có đi uống rượu về có cự cãi và đánh đập chị Ú, chị Ú đã cho thời gian anh Th sửa đổi nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy, như vậy hôn nhân giữa chị Ú và anh Th đã vi phạm quy định tại khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình từ đó nghi nên cho chị Phạm Thị Ú ly hôn với anh Nguyễn Văn Th là có cơ sở.

[4]. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/01/1990 và Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 01/01/1994, hiện nay con chung đã thành niên và sống tự lập nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Ú khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh Th nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Th có tranh chấp tài sản chung và nợ chung với chị Ú thì anh Th được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Ú.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ú là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ú chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ú cho chị Ú được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. *Về con chung*: 02 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/01/1990 và Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 01/01/1994, hiện nay con chung đã thành niên và sống tự lập nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn Th có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Phạm Thị Ú thì anh Nguyễn Văn Th được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn với chị Phạm Thị Ú.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Ú phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002219 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiều Càn tỉnh Trà Vinh. Chị Phạm Thị Ú đã nộp đủ án phí đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiều Càn;
- THADS huyện Tiều Càn;
- UBND xã Tân Hòa;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền